

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2011

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 4 và 4 tháng năm 2011

I - CÔNG NGHIỆP:

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn hơn cùng thời kỳ năm trước do giá chi phí đầu vào cho sản phẩm tăng (giá nguyên, nhiên vật liệu, chi phí nhân công,...). Ước tính giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố 4 tháng đầu năm đạt 197.715 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tháng 4 ước đạt 52.040 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng 3 và tăng 13,2% so tháng 4/2010).

Giá trị sản xuất công nghiệp

	Giá trị sản xuất		% so sánh	
	(Giá thực tế - tỷ đồng)		Tháng 4 so với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2010
	Tháng 4	4 tháng		
Tổng số (I+II)	52.040	197.715	102,9	112,9
I. Khu vực trong nước	31.478	121.178	102,5	112,3
1. Trung ương	5.834	22.791	96,5	104,6
2. Địa phương	25.644	98.387	104,6	115,2
- Nhà nước	1.851	6.881	99,6	108,9
- Ngoài nhà nước	23.793	91.506	105,1	115,7
II. Khu vực có vốn ĐTNN	20.562	76.537	103,5	114,1

Xét theo ngành: Có 4/27 ngành sản xuất giảm là khai thác mỏ khác, sản xuất thuốc lá, in và sản xuất phân phối điện. Trong số 23 ngành tăng có một số ngành chiếm tỷ trọng cao như: thực phẩm đồ uống tăng 11,7%; cao su plastic tăng 15,9%; sản phẩm kim loại tăng 14,6%; thiết bị điện 28,8%; đặc biệt ngành da giày với tỷ trọng đứng thứ hai (sau thực phẩm đồ uống) tăng 30,2% (trong đó khu vực nước ngoài của ngành này chiếm 70,3% tăng 41,1%).

Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu 4 tháng/2011

Đơn vị tính : %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	K.vực có vốn nước ngoài
1- Thực phẩm đồ uống	111,7	110,9	114,0
2- Sản xuất thuốc lá	91,8	91,8	-
3- Dệt may	110,1	108,9	113,2
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	130,2	110,0	141,1
5- Hóa chất và SP từ hóa chất	109,0	127,3	94,0
6- SP từ cao su, plastic	115,9	113,9	127,5
7- Vật liệu xây dựng	116,6	117,8	114,0
8- SX kim loại	132,0	133,2	114,3
9- Cơ khí chế tạo ¹	119,4	122,2	116,1
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	108,4	93,4	112,4

Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương tháng 4 ước đạt 5.834 tỷ đồng giảm 3,5% so tháng 3; 4 tháng đạt 22.791 tỷ đồng tăng 4,6% so cùng kỳ. Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 9,6%, doanh nghiệp cổ phần tăng 9,2%, công ty TNHH một thành viên giảm 10,2%. Có 12/20 ngành sản xuất tăng, trong đó tăng cao có các ngành: vật liệu xây dựng 24,9%; thiết bị điện 20%; hóa chất tăng 38%; may tăng 40%; ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 6,7%. Trong số các ngành giảm đáng lưu ý có 4 ngành chiếm tỷ trọng cao là thuốc lá giảm 21,3%; cao su plastic giảm 2,7%; sản xuất radio tivi tiếp tục giảm với mức 16,9%; sản xuất và phân phối điện giảm 12,3%.

Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương tháng 4 ước đạt 1.851 tỷ đồng giảm 0,4% so tháng 3; 4 tháng đạt 6.881 tỷ đồng tăng 8,9% so cùng kỳ, trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 6,7%; doanh nghiệp cổ phần tăng 26,2%. Có 9/16 ngành sản xuất tăng. Kết quả sản xuất ở bốn ngành chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 75,6% giá trị của khu vực): thực phẩm đồ uống tăng 3,5%; thuốc lá tăng 16,6%; in giảm 9,7%; hoá chất bằng cùng kỳ.

Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước tháng 4 đạt 23.793 tỷ đồng tăng 5,1% so tháng 3; 4 tháng đạt 91.505 tỷ đồng tăng 15,7% so cùng kỳ. Trong đó hợp tác xã tăng 28,8%; doanh nghiệp tư nhân tăng 7,9%; công ty TNHH tăng 20,7%; công ty cổ phần tư nhân tăng 25,2%; công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50% tăng 8,8%; cá thể tăng 12%.

Trong khu vực ngoài nhà nước, khối doanh nghiệp có mức tăng cao nhất (+20%) đã đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng chung của khu vực. Có 23/25 ngành sản xuất tăng. Các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều đạt mức tăng khá và cao: ngành thực

¹ Cơ khí chế tạo bao gồm các ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 12,9%; dệt tăng 17,1%; may tăng 4,5%; da giày tăng 11,3%; hoá chất tăng 25,7%; cao su plastic tăng 16,4%; thiết bị điện tăng 62,9%; phương tiện vận tải tăng 12,4%, sản xuất bàn ghế tăng 18,1%. Hai ngành giảm là khai thác mỏ khác và thiết bị văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tháng 4 đạt 20.562 tỷ đồng tăng 3,5% so tháng 3; 4 tháng đạt 76.537 tỷ đồng tăng 14,1% so cùng kỳ. Có 19/22 ngành sản xuất tăng. Ngành hoá chất với tỷ trọng cao nhất giảm 6%; ngành da giày cũng là ngành chiếm tỷ trọng cao tăng 41,1%; tốc độ tăng ở các ngành lớn khác như sau: thực phẩm đồ uống 14%; may tăng 8,7%; sản phẩm kim loại tăng 21,2%; máy móc thiết bị điện tăng 8,9%; radio tivi tăng 12,4%; sản xuất xe tăng 17,9%; sản xuất điện tăng 11,6%.

Tính theo phương pháp IIP giá trị công nghiệp thành phố 4 tháng tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1.1. Trồng trọt

* **Vụ Đông xuân:** Lúa đông xuân đã xuống giống 5.408 ha, riêng huyện Củ Chi đã thu hoạch 2.878 ha. Rau đã gieo trồng 5.115 ha, tăng 5,7% so cùng kỳ; Đã thu hoạch 167,7 ha đậu phộng và 558 ha bắp.

* Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

Trên lúa đông xuân có 296 ha bị nhiễm rầy nâu với mức độ nhẹ, tập trung ở huyện Hóc Môn và Củ Chi.

1.2. Chăn nuôi: Hiện nay ngành thú y của thành phố tiếp tục tập trung bình tuyến, lập lý lịch cho đàn bò sữa: đã gắn số cho 1.450 con. Khảo sát sinh sản, phối giống, năng suất bò sữa nông hộ: thực hiện 1.215 con; khảo sát, đánh giá chất lượng đời sau các dòng tinh bò sữa: thực hiện 575 bê.

Giám định đạt kết quả 120 heo đực giống tại các xí nghiệp chăn nuôi để khai thác tinh nhân giống đàn heo.

Hoạt động khuyến nông: nhằm giúp người nông dân có kỹ thuật nuôi trồng, các trung tâm khuyến nông đã mở các lớp tập huấn kỹ thuật phù hợp với từng vùng tập trung sản xuất như “kỹ thuật chăn nuôi bò sữa theo hướng GAHP” cho nông dân xã Tân Thông Hội, Củ Chi; kỹ thuật trồng rau theo quy trình VietGAP cho nông dân xã Tân Thới Hiệp, Hóc Môn; kỹ thuật phòng chống dịch bệnh trên heo tại xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B, Tân Nhựt, Bình Chánh; kỹ thuật chăm sóc mai sau tết tại phường An Phú Đông, Q.12, kỹ thuật tạo dáng bonsai tại xã Phước Lộc, Nhà Bè.

2. Thủy sản (tại Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 4 ước thực hiện 2.742 tấn thủy sản các loại, tăng 9,5% so tháng trước và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tôm 670 tấn, nhuyễn thể 250 tấn, hải sản các loại 1.822 tấn). Sản lượng đánh bắt 1.990 tấn, tăng 6,4%, sản lượng nuôi trồng 752 tấn, giảm 12,6% so với tháng 4/2010.

Tổng sản lượng thủy sản 4 tháng đầu năm ước đạt 10.046 tấn, giảm 4,3% so cùng kỳ. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 4 tháng ước đạt 2.903 tấn, chiếm 28,9% tổng sản lượng, giảm 17,8% (riêng sản lượng tôm chiếm 65,5%, tăng 21,8%); Sản lượng khai thác đạt 7.143 tấn, tăng 1,3%.

Về tình hình thả nuôi tôm, tính đến ngày 8/4/2011 đã có 580 lượt hộ thả nuôi 53,8 triệu tôm sú giống trên diện tích 3.193,9 ha; 402 lượt hộ thả nuôi tôm thẻ chân trắng trên diện tích 381,1 ha với 308,8 triệu tôm giống.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng:

Tổng vốn đầu tư XDCB trên địa bàn 4 tháng ước thực hiện 21.794 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 13,2%, tăng 14,2% so với cùng kỳ và có tốc độ tăng thấp hơn năm trước (4 tháng năm 2010 tăng 15,6%).

Nguồn vốn ngân sách 4 tháng năm nay tăng 8,3% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2010 tăng 50,5%).

Cấp thành phố ước thực hiện 1.600,1 tỷ đồng, chiếm 51,5%; so với cùng kỳ bằng 89,1%; do nhiều công trình trọng điểm thiếu vốn và khó khăn giải tỏa mặt bằng như: mở rộng tỉnh lộ 10; dự án sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Thị Thập; tỉnh lộ 25B (giai đoạn 2),...

Cấp quận huyện ước thực hiện 1.509,9 tỷ đồng, chiếm 48,5%, tăng 40,3% so với cùng kỳ do có một số công trình trọng điểm được ưu tiên về vốn như đường Rừng Sác, dự án bồi thường giải phóng mặt bằng làm đường ven kênh Tân Hóa, đường Phạm Văn Chí,...

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 4 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch năm	Cùng kỳ 2010
Tổng vốn đầu tư	3.110,0	30,3	108,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	391,8	58,5	100,4
Cấp thành phố	1.600,1	25,6	89,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	125,2	52,2	88,7
Cấp quận huyện	1.509,9	37,7	140,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	266,6	61,9	107,1

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án đại lộ Đông – Tây (Võ Văn Kiệt) tiếp tục hoàn thiện các bước kỹ thuật trong đường hầm, dự kiến thông xe vào quý 3/2011.

- Các dự án đang gặp khó khăn trong đền bù giải tỏa như: dự án tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài; tuyến đường sắt đô thị số 1 và mở rộng xa lộ Hà Nội; tuyến đường sắt đô thị số 2; cầu Phú Long,...

- Dự án đang gặp khó khăn về năng lực tài chính nên tiến độ thi công chậm như dự án cầu Rạch Tra.

Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở tư nhân riêng lẻ:

Tính đến hết tháng 3, các ngành chức năng của thành phố đã cấp 8.774 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 1.572,7 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 7.887 giấy phép, diện tích 1.475,8 ngàn m²; 887 giấy phép sửa chữa lớn, diện tích 96,9 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 13,4% về giấy phép (+1.035 giấy phép) và tăng 12,3% về diện tích (+ 172 ngàn m²).

2. Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 18/4 đã có 80 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký đạt 1.244,1 triệu USD, vốn điều lệ 263,2 triệu USD. So với cùng kỳ, số dự án chỉ bằng 72%, nhưng số vốn gấp 2,8 lần (có 1 dự án có vốn đầu tư 1 tỷ USD).

- Theo hình thức đầu tư: 23 dự án liên doanh, vốn đầu tư 82,7 triệu USD và 57 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.161,4 triệu USD. Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 9 dự án, vốn đầu tư 1.029,4 triệu USD; ngành xây dựng 11 dự án, vốn đầu tư 8,3 triệu USD; ngành thương mại 21 dự án, vốn đầu tư 31 triệu USD; ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 35 dự án, vốn đầu tư 174,7 triệu USD.

- Theo đối tác đầu tư: Hàn quốc 15 dự án, vốn đầu tư 21,6 triệu USD; Singapore 14 dự án, vốn đầu tư 1.049,7 triệu USD; Nhật Bản 9 dự án, vốn đầu tư 767 ngàn USD, Hoa kỳ 8 dự án, vốn đầu tư 9,2 triệu USD, Đài loan 3 dự án, vốn đầu tư 128,9 triệu USD, Hà Lan 1 dự án, vốn đầu tư 20 triệu USD, Brunei 1 dự án, vốn đầu tư 5 triệu USD,...

Có 28 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn điều lệ, vốn đầu tư điều chỉnh tăng 43,7 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đến ngày 18/4 đạt 1.287,8 triệu USD (cùng kỳ năm trước 482,8 triệu USD).**

Có 4 dự án chấm dứt hoạt động, giải thể, vốn đầu tư 2,9 triệu USD và 7 dự án tạm ngưng hoạt động vì tình hình kinh doanh gặp khó khăn.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 18/4 trên địa bàn thành phố là 3.952 dự án với tổng vốn đầu tư 30.973,8 triệu USD.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 4 ước đạt 36.536 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước chiếm 97,1%, khu vực kinh tế nước ngoài chiếm 2,9% trong tổng mức tiêu thụ. Nhìn chung thị trường hàng hóa và dịch vụ những tháng đầu năm tăng trưởng khá nhưng chủ yếu do tác động của giá thị trường tăng, trong dân cư có xu hướng tiết kiệm tiêu dùng mặc dù các doanh nghiệp bán lẻ liên tục mở các đợt khuyến mãi trên giá bán.

Dự ước 4 tháng đầu năm, **tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 142.516 tỷ đồng, tăng 22,6% so với 4 tháng cùng kỳ năm 2010.**

- + Kinh tế nhà nước 32.191 tỷ đồng, tăng 20,1%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 106.153 tỷ đồng, tăng 23,5%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 4.173 tỷ đồng, tăng 21,1%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 4 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 4 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tê trong nước	K.tê có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tê trong nước	K.tê có vốn ĐTNN
Tổng mức	142.516	138.343	4.173	122,6	122,7	121,1
Tr.đó: Thương nghiệp	116.346	115.492	855	121,4	121,3	137,1
Khách sạn	2.684	1.297	1.387	121,2	135,3	110,4
Nhà hàng	11.620	11.390	230	126,4	126,1	142,8
Dịch vụ du lịch lữ hành	3.982	3.448	534	138,0	139,4	129,7

Nếu loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng tiêu dùng trong 4 tháng đầu năm tăng 10,6% so với 4 tháng đầu năm 2010 (cùng kỳ năm 2010 tăng 22,3%).

* **Về tình hình du lịch:** chi phí giá tour tăng cao hơn các năm trước nhưng trong tháng có thời gian nghỉ lễ dài kết hợp với sự tăng cường tiếp thị của các công ty kinh doanh du lịch nên các tour đi ngoại tỉnh và nước ngoài hầu như đã được đặt kín chỗ vào thời điểm 2 tuần trước kỳ nghỉ.

Tổng doanh thu du lịch (bao gồm doanh thu lữ hành và khách sạn) ước 4 tháng đạt 6.666 tỷ đồng tăng 2,2%; trong đó doanh thu khách sạn chiếm 40,3%, tăng 21,2%.

2. Giá cả

Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 4 tăng 3,16% (khu vực thành thị tăng 3,09% và khu vực nông thôn tăng 3,64%) và đạt mức tăng cao nhất trong vòng 36 tháng qua (tính từ tháng 4/2008). Mức giá tăng cao của 3 nhóm “giao thông” (tăng 5,77%), nhóm “ăn và dịch vụ ăn uống” (tăng 4,56%) và nhóm “nhà ở, điện nước, chất đốt (tăng 4,12%) đã tác động đáng kể đến mức tăng giá chung của tháng. 8 nhóm hàng còn lại đều có mức tăng dưới 1,5% và mức tăng thấp nhất là nhóm “dịch vụ bưu chính viễn thông” (tăng 0,16%).

Một số nhóm mặt hàng có mức biến động giá lớn so với tháng trước như thịt gia súc tươi sống (tăng 13,23%); thịt gia cầm tươi sống (tăng 8,24%); thịt chế biến (tăng 6,34%); trứng các loại (tăng 7,32%); dầu mỡ ăn (tăng 8,24%); thủy hải sản tươi sống (tăng 5,92%); thủy hải sản chế biến (tăng 6,72%); rau các loại (tăng 5,89%); trái cây các loại (tăng 4,5%), xăng dầu (tăng 10,96%); bảo dưỡng phương tiện đi lại (tăng 6,28%); phụ tùng xe (tăng 1,56%); vé tàu hỏa (tăng 8,07%); vé ô tô khách (tăng 4,66%);...

So với tháng 4/2010 chỉ số giá tiêu dùng tăng 13,99% (cùng kỳ năm trước tăng 9,99%). So với tháng 12/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 8,2%.

Để giảm bớt áp lực tăng giá hàng hóa và hỗ trợ tiêu dùng của dân cư, chương trình bình ổn giá mới theo chỉ đạo của UBND thành phố cho 9 nhóm mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu gồm: gạo, đường, dầu ăn, thịt gia súc, thịt gia cầm, trứng gia cầm, thực phẩm chế biến, rau củ quả và thủy hải sản được bắt đầu từ 1/4/2011 đến 31/3/2012 với mức chi là 412 tỷ đồng (tăng 32 tỉ đồng so với năm 2010). Các doanh nghiệp tham gia chương trình sẽ được vay vốn ưu đãi với lãi suất 0% trong 12 tháng. Hiện nay đã có 22 doanh nghiệp tham gia chương trình trong đó có 3 doanh nghiệp hoàn toàn không nhận vốn của chương trình, 8 doanh nghiệp nhận một phần vốn. Theo chương trình này các doanh nghiệp được chỉnh giá nếu giá nguyên liệu đầu vào tăng trên 15% với điều kiện giá bình ổn phải luôn thấp hơn giá thị trường 10%; đồng thời khi thị trường giảm giá 5% trở lên thì doanh nghiệp bình ổn cũng phải giảm giá tương ứng.

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và tỷ giá USD tháng 4

Đơn vị tính: %

	So với tháng 3/2011	So với tháng 12/2010	So với tháng tháng 4/2010
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,16	108,20	113,99
Ăn và dịch vụ ăn uống	104,56	111,18	119,72
Trong đó: Lương thực	101,23	104,50	117,39
Thực phẩm	106,19	112,78	122,15
Ăn uống ngoài gia đình	103,85	112,32	117,30
Uống và thuốc lá	100,26	105,25	110,06
May mặc, mũ nón giày dép	101,24	104,83	111,11
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,12	109,36	118,92
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,49	103,56	107,88
Dược phẩm và dịch vụ y tế	100,45	101,25	103,94
Đi lại và bưu điện	105,77	116,70	117,07
Trong đó: Bưu chính viễn thông	100,16	100,23	95,84
Giáo dục	100,05	100,24	106,20
Văn hoá và giải trí	101,39	104,35	111,53
Hàng hóa và dịch vụ khác	100,44	105,16	113,28
2. Chỉ số giá vàng	98,53	102,98	139,99
3. Chỉ số tỷ giá USD	97,52	100,16	110,81

V. XUẤT, NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 4 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 13.249,7 triệu USD, tăng 2.415,4 triệu USD so với 4 tháng đầu năm 2010 (tăng 22,3%). Khu vực kinh tế trong nước chiếm 74%, tăng 23,1%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 24%, tăng 20,4%.

1. Xuất khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 4 ước thực hiện 2.315,8 triệu USD, tăng 14,6% so với tháng 3; Khu vực kinh tế trong nước tăng 19%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,3%. **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.460,8 triệu USD, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 16,9% so với tháng 4/2010.**

Trong 4 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước thực hiện 8.010,1 triệu USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ 2010; **loại trừ trị giá dầu thô, tổng kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 5.608,6 triệu USD, tăng 22,5%.**

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
(không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	1.460,8	5.608,6	97,4	122,5
Kinh tế Nhà nước	955,8	3.679,2	95,5	123,9
Kinh tế tập thể	1,4	5,5	101,4	117,2
Kinh tế tư nhân	485,0	1.818,6	100,9	123,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	505,0	1.929,4	101,3	119,7

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 4 tháng đầu năm và mức tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Hàng gạo: 613,7 triệu USD, chiếm 16,7% trong trị giá xuất khẩu hàng hóa khu vực trong nước không kể dầu, tăng 2,8% so cùng kỳ. Lượng xuất khẩu tăng 8,6%, giá bình quân 4 tháng giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay các doanh nghiệp đã gần như thực hiện xong hợp đồng đã ký và đang tập trung đàm phán cho những hợp đồng mới.

+ Hàng thủy sản: 123,7 triệu USD, tăng 11,7%;

+ Hàng sữa: 30,1 triệu USD, tăng 16,7%;

+ Hàng may mặc: 661,6 triệu USD, là mặt hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất trong thời gian 4 tháng đầu năm (chiếm 18%), tăng 17,5% so cùng kỳ. Doanh nghiệp hiện nay đang có nhiều đơn hàng song do chi phí sản xuất tăng cao nên doanh nghiệp dệt may đã ưu tiên lựa chọn những đơn hàng có khả năng mang lại lợi nhuận khá để thực hiện.

+ Hàng giày dép ước xuất 172 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,7%, tăng 16,9% so cùng kỳ. Mặc dù đã được EU dỡ bỏ thuế chống bán phá giá kể từ đầu tháng 4 nhưng vẫn tiếp tục gặp khó khăn do phải cạnh tranh với các nước khác;

+ Dầu thô: 2.401,4 triệu USD, tăng 36,3% (lượng tăng 0,2%, giá bình quân tăng 36%).

2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 4 ước thực hiện 1.937,7 triệu USD, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 17,9% so với tháng 4/2010.

Ước tính 4 tháng đầu năm kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước thực hiện 7.641 triệu USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	1.937,7	7.641,0	103,1	122,2
Kinh tế Nhà nước	646,7	2.536,7	103,4	127,1
Kinh tế tập thể	1,0	3,8	103,4	125,7
Kinh tế tư nhân	830,0	3.319,6	103,1	119,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	460,0	1.780,9	102,8	121,0

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 4 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa 146,3 triệu USD, tăng 36,4%;
- Nhiên liệu 480,7 triệu USD, tăng 88,1%;
- Nguyên phụ liệu may 291,5 triệu USD, tăng 19,9%;
- Sắt thép 85,3 triệu USD, tăng 20,4%;
- Phụ liệu giày dép 55,2 triệu USD, tăng 18,2 %;
- Tân dục 281,6 triệu USD, giảm 117,5 %.

VI. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần) tháng 4 ước đạt tỷ 2.772,3 đồng, tăng 5,9% so với tháng trước và tăng 20,3 % so với tháng 4/2010. Tổng doanh thu của 4 tháng đầu năm đạt 10.397,7 tỷ đồng, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17,8%, tăng 3,5%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 4 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 4 tháng với cùng kỳ 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	7.029,9	3.367,8	121,8	125,7
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.680,1	167,5	103,2	105,8
Kinh tế ngoài nhà nước	5286,2	2.360,8	129,0	124,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	63,6	839,5	135,0	133,1
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	3.511,3	2.550,1	120,2	123,0
Đường sông	607,8	54,3	142,0	127,5
Đường biển	2.884,5		119,9	

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 4 ước đạt 1.912,5 tỷ đồng, tăng 6,1% so với tháng trước; tính chung 4 tháng đạt 7.029,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 67,6% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 21,8%. Doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 41% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa và tăng 11,8% so với 4 tháng cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 4 ước đạt 859,8 tỷ đồng, tăng 5,5% so với tháng trước; 4 tháng ước đạt 3.367,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,4% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 25,7% so với cùng kỳ. Trong đó đường bộ chiếm 75,7% doanh thu của ngành này và tăng 21,6%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng tháng 4 ước đạt 5.029,3 nghìn tấn, tăng 3,6% so với tháng trước, tăng 1,7% so với tháng 4/2010. Bốn tháng ước đạt 18.394,7 nghìn tấn, tăng 1,1% so với 4 tháng/2010; trong đó hàng hoá xuất khẩu 7.043 ngàn tấn, chiếm 38,3%, tăng 6,2%; hàng nhập khẩu 8.672,2 ngàn tấn, chiếm 47,1%, giảm 2,4%. Hàng qua cảng biển chiếm 95,1% sản lượng (trong đó qua cảng có vốn nước ngoài chiếm 7,7%) và cảng sông chiếm 4,9%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	5.029,3	18.394,7	103,6	101,1
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.774,2	17.490,7	103,7	101,3
Cảng sông	255,1	904,0	102,3	96,8
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.913,0	7.043,0	101,2	106,2
Hàng nhập khẩu	2.341,2	8.672,2	106,4	97,6
Hàng nội địa	775,1	2.679,5	101,6	99,4

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 4 ước đạt 438 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 9,8% so với tháng 4/2010. Dự ước 4 tháng đầu năm đạt 1.642,2 tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng ước thực hiện 70.279,5 tỷ đồng, đạt 39,5% dự toán, tăng 27,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 40.190 tỷ đồng, đạt 40,6% dự toán, tăng 31,7%; thu từ dầu thô 10.500 tỷ đồng, đạt 92,1%, tăng 71,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 19.000 tỷ đồng, đạt 30,5% dự toán, tăng 5,4%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
Tổng thu	177.970	70.279	39,5	127,3
Tổng thu cân đối ngân sách NN	172.706	69.690	40,4	127,5
I- Thu nội địa	98.996	40.190	40,6	131,7
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	8.876	34,4	113,9
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	9.601	35,7	127,6
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	8.628	38,9	139,1
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	19.000	30,5	105,4
III- Thu từ dầu thô	11.400	10.500	92,1	171,8

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 4 tháng ước đạt 8.876 tỷ đồng, chiếm 22,1% tổng thu nội địa, tăng 13,9% so cùng kỳ (*Nhà nước trung ương 4.828 tỷ đồng, tăng 27,7%; Nhà nước địa phương 4.048 tỷ đồng, tăng 0,9%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 9.601 tỷ đồng, chiếm 23,9% thu nội địa, tăng 27,6%. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8.628 tỷ đồng, chiếm 21,5% thu nội địa, tăng 39,1%. Thu khác đạt 13.085 tỷ đồng, tăng 45,5% so cùng kỳ, trong đó: thuế thu nhập cá nhân tăng 63,2%, thu tiền sử dụng đất tăng 102,8%.

Thu cân đối ngân sách địa phương 4 tháng ước đạt 69.690 tỷ đồng, đạt 40,4% dự toán, tăng 27,5% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
Tổng chi (trừ tạm ứng)	35.422,9	12.812,3	36,2	155,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	7.998,1	70,8	191,1
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	10,6	0,3	20,4
II- Chi thường xuyên	18.750,0	4.801,6	25,6	118,7
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	528,3	19,6	138,7
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	1.312,0	26,4	120,3
Sự nghiệp y tế	2.161,4	464,8	21,5	100,3
Quản lý hành chính	2.717,3	856,2	31,5	135,9

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 4 tháng ước thực hiện 12.812,3 tỷ đồng, đạt 36,2% dự toán, tăng 55,6% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển⁽²⁾ ước thực hiện 7.998,1 tỷ đồng, tăng 91,1% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 4.801,6 tỷ đồng, tăng 18,7% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 528,3 tỷ đồng, tăng 38,7%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.312 tỷ đồng, tăng 20,3%; chi sự nghiệp y tế 464,8 tỷ đồng, tăng 0,3%; chi quản lý hành chính tăng 35,9%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 26,9%.

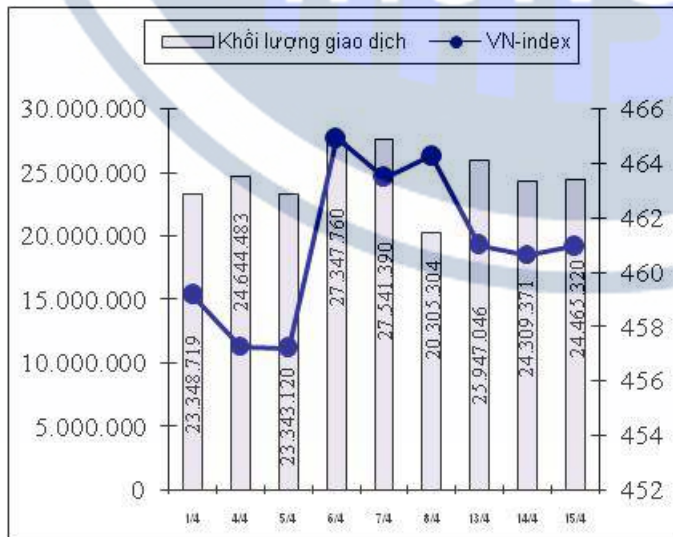
Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng ước thực hiện 4 tháng đạt 24.654,7 tỷ đồng, tăng 65,7% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 4 ước đạt 791,3 ngàn tỷ đồng, tăng 25,6% so cùng kỳ. Trong đó: vốn huy động của các NHTMCP chiếm 57,9% tổng vốn huy động, tăng 39%; vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 29%, tăng 33,7%; vốn huy động VNĐ tăng 22,6%, trong đó tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu đạt 266,4 ngàn tỷ đồng, tăng 28,7%, chiếm 33,7% tổng vốn huy động.

- Tổng dư nợ tín dụng cuối tháng 4 ước đạt 734,4 ngàn tỷ đồng, tăng 28,4% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các NHTMCP đạt 369,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 50,3% tổng dư nợ, tăng 42,5%. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 209,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 28,5%, tăng 32,3%. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ tăng 27%. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,1%, tăng 27,5% so cùng kỳ; dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 29,2%.

3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 15/4, tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 288; gồm 283 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 235.192 tỷ đồng tăng 3,1% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 163.971 tỷ đồng, chiếm 69,7%; trái phiếu đạt 68.460 tỷ đồng, chiếm 29,1%; chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1,2%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 589.009 tỷ đồng, giảm 0,8% so đầu năm. Tại thời điểm ngày 15/4, VN-index đạt 460,96 điểm, giảm 4,9% so đầu năm, tương ứng giảm 23,7 điểm.

² Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XDCB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang thanh toán và quyết toán trong năm 2011 thì chi đầu tư phát triển ước đạt 2.511,6 tỷ đồng, đạt 31,6% dự toán và bằng 60,8% so cùng kỳ.

Kết quả giao dịch của 15 ngày đầu tháng 4 đạt 221,2 triệu chứng khoán giảm 28,3% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đạt 2.959,1 triệu chứng khoán, giảm 5,1% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 2.561,6 triệu chứng khoán, giảm 11,2% so cùng kỳ; giao dịch thỏa thuận đạt 397,5 triệu chứng khoán, tăng 70,7%. Khối lượng giao dịch của các cổ phiếu đạt 2.924,7 triệu chứng khoán, giảm 3,9% so cùng kỳ.

Giá trị giao dịch của 15 ngày đầu tháng 4 đạt 4.983,3 tỷ đồng, giảm 27,1% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đạt 71.602,7 tỷ đồng, giảm 45,7% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 59.804,9 tỷ đồng, giảm 50,8% so cùng kỳ; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 11.797,8 tỷ đồng, tăng 12,3%. Giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 71.096,3 tỷ đồng, giảm 45,6% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	15 ngày tháng 4	Lũy kế đến tháng 4	Tháng 4 so tháng 3	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	221,2	2.959,1	71,7	94,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	219,5	2.924,7	71,7	96,1
Trái phiếu	-	2,9	-	47,7
Chứng chỉ quỹ	1,7	31,5	76,6	46,3
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	176,5	2.561,6	67,5	88,8
Giao dịch thỏa thuận	44,7	397,5	94,4	170,7
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	4.983,3	71.602,7	72,9	54,3
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.968,9	71.096,3	73,5	54,4
Trái phiếu	-	242,5	-	46,8
Chứng chỉ quỹ	14,4	263,9	68,2	34,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.742,4	59.804,9	66,5	49,2
Giao dịch thỏa thuận	1.240,9	11.797,8	102,6	112,3

VIII. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ XÃ HỘI

1. Y tế:

- Tình hình dịch bệnh:

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca nhiễm bệnh trong tháng 3 là 451 ca, tăng 31,1% (+108 ca) so cùng kỳ năm 2010, không có trường hợp tử vong. Bệnh tập trung ở các quận 8, Bình Tân, Tân Phú, Tân Bình.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh tay chân miệng có chiều hướng tăng cao so với các tháng trước. Số ca mắc bệnh tay chân miệng trong tháng 3 là 281 ca, tăng 170 ca so với tháng trước. Tính chung 3 tháng đầu năm, đã có 596 ca mắc bệnh, giảm 10,6% (-71 ca) so cùng kỳ năm 2010, trong đó có 3 ca tử vong (3

tháng đầu năm 2010 không có ca tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhiều nhất ở quận 8, Tân Bình, Bình Tân, huyện Bình Chánh. Ngành y tế thành phố đã chỉ đạo tất cả các quận huyện hướng dẫn vệ sinh và khử khuẩn, đặc biệt cho những gia đình có trẻ dưới 3 tuổi, không để trẻ bị bệnh đến trường và hướng dẫn nhà trường khử khuẩn theo đúng quy trình đồng thời khẩn trương xử lý khi phát hiện có ca bệnh tại các khu dân cư tập thể.

+ **Bệnh thủy đậu, quai bị:** Số ca mắc bệnh thủy đậu trong tháng 3 là 43 ca, giảm 8,5% (-4 ca) so cùng kỳ năm trước; số ca mắc bệnh quai bị trong tháng 3 là 12 ca giảm 29,4% (-5 ca) so với cùng kỳ năm trước.

+ **Bệnh tiêu chảy:** Trong 3 tháng đầu năm ghi nhận 1 trường hợp dương tính với phẩy khuẩn tả tại quận Thủ Đức (cùng kỳ năm 2010 có 3 ca).

+ **Vệ sinh thực phẩm:** Các ngành chức năng của thành phố thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các sản phẩm thực phẩm dễ nhiễm vi sinh, có sử dụng phụ gia phẩm màu. Trong quý 1/2011, không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

2. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 01/03 đến 31/3)

- **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 38 vụ vi phạm kinh tế trong đó chủ yếu là buôn bán vận chuyển hàng ngoại không có hóa đơn chứng từ (11 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (12 vụ); mua bán hàng cấm (6 vụ), vận chuyển mua bán gia cầm chưa qua kiểm dịch (02 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (7 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá trên 760 triệu đồng chủ yếu là thuốc lá ngoại, điện thoại di động, thuốc tây,...

- **Phạm pháp hình sự:** Đã xảy ra 447 vụ phạm pháp hình sự, tăng 40,6% (+129 vụ) so với tháng trước, giảm 0,2% (-1 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 13 người, bị thương 33 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 11 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 14 vụ, cướp tài sản 27 vụ, cướp giật 120 vụ, trộm cắp tài sản 222 vụ, cưỡng đoạt tài sản 3 vụ, hiếp dâm 4 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 18 vụ, chống người thi hành công vụ 9 vụ,... Đã điều tra khám phá 285 vụ, bắt 372 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

+ **Ma túy:** Tổng số vụ vi phạm về ma túy trong tháng 3 là 148 vụ trong đó: mua bán - tàng trữ 119 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 29 vụ, đã khởi tố 113 vụ với 141 người vi phạm; xử lý hành chính 35 vụ với 139 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 67 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã. Bên cạnh đó thành phố đã triệt phá được 8 điểm tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy lớn, bắt 12 người vi phạm và thu giữ nhiều hiện vật.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội:** Đã triệt phá 8 ổ mại dâm, bắt giữ 37 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 4 gái mại dâm; 141 đối tượng lang thang, xin ăn; 85 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 386 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã xử lý 121 vụ cờ bạc với 693 người tham gia, thu giữ trên 505 triệu đồng, 100 USD và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản hành chính 161,1 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 3.479 xe các loại, tước giấy phép lái xe 2.863 trường hợp, ... thu phạt 17 tỷ đồng chuyển kho bạc nhà nước trên.

- **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 83 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 23% (+19 vụ) so tháng trước, tăng 3 vụ so cùng kỳ năm trước; làm chết 72 người, bị thương 69 người, làm hư hỏng 117 xe các loại.

- **Tai nạn cháy, nổ:** đã xảy ra 7 vụ cháy, giảm 4 vụ so với tháng trước, giảm 10 vụ so với cùng kỳ năm trước; không có thiệt hại về người, trị giá tài sản thiệt hại trên 87 triệu đồng. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện.

3. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 4, thành phố đã giải quyết việc làm cho 20,9 ngàn lao động, trong đó lao động có việc làm ổn định là 14 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 9,7 ngàn chỗ làm. Từ đầu năm đến nay thành phố đã giải quyết việc làm cho 80,4 ngàn lượt lao động, đạt 30,3% kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 56,2 ngàn người, chiếm 69,9% so với số lao động được giải quyết việc làm, số chỗ việc làm mới tạo ra là 31,7 ngàn chỗ làm, đạt 26,4% kế hoạch.

Tình hình bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 14/03 đến ngày 10/04, trên địa bàn thành phố đã có 12,5 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp. Số người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp là 9,8 ngàn người. Số người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 16,4 ngàn người. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi đến các tỉnh, thành phố khác là 1,8 ngàn người. Số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp 440 người.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 4 và 4 tháng năm 2011.

Q. CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Loan